

Hazu 幡豆

Kuwabatakegumi District / Terabe District
Distrito ng Kuwabata-gumi / Terabe
Khu vực Kuwabatagumi / khu vực Terabe

2025.4→2025.9

Nishio City Household Garbage Collection Calendar of 2025 Kalendaryo sa pagkulekta ng mga basura mula sa tahanan para sa taong 2025 sa siyudad ng Nishio Năm 2025 - Thành phố Nishio Lịch bỏ rác gia đình

By 8:30 a.m.
Hanggang 8:30
ng umaga
Trước 8:30 a.m.

For inquiries, contact Nishio City Hall Environmental
Department, Waste Reduction Section
Para sa mga katanungan, sumangguni sa
tanggapan ng Garbage Reduction Division,
Environment Department, Nishio City Hall
Mọi thắc mắc về rác thải, vui lòng liên hệ với Ban Giám
thiểu rác thải, Bộ phận Môi trường, Tòa thị chính Nishio
☎ (0563) 65-3883

Burnable garbage Basurang sinusunog Rác cháy được

Place in designated bag
ilagay sa itinakdang supot
Cho vào túi chỉ định

Mondays and Thursdays
Lunes at Huwebes bawat linggo
Thứ Hai, thứ Năm hàng tuần



Recyclables Bagay na maaaring i-recycle Rác tái chế

Plastic containers and packages
Mga lalagyan at paketeng gawa sa plastic
Bao bì, dụng cụ chứa làm bằng nhựa

Place in designated bag
ilagay sa itinakdang supot
Cho vào túi chỉ định

Wednesdays
Miyerkules bawat linggo
Thứ Tư hàng tuần



Recyclables Bagay na maaaring i-recycle Rác tái chế

Empty cans (blue), empty bottles (orange), metal items such as pots & pans (gray), spray cans (yellow), small
electrical appliances (green), other metal items (blue), landfill-appropriate waste (blue)
Latang walang laman (kulay asul), boteng walang laman (kulay dalandán), mga bagay na gawa sa asero tulad
ng palayok, kaldero at iba pa (kulay abo), lata ng spray (dilaw), maliliit na household appliances (kulay berde),
iba pang mga bagay na gawa sa metal (kulay asul), landfill waste (kulay asul)
Lon rong (xanh lam), chai rong (cam), các loại đồ bằng kim loại như chảo, nồi, v.v... (xám), lon xịt (vàng), đồ
điện gia dụng cỡ nhỏ (xanh lá cây), sản phẩm bằng kim loại khác (xanh lam), rác chôn lấp (xanh lam)

1st and 3rd Fridays of the month
ika-1 at ika-3 Biyernes ng bawat buwan
Thứ Sáu của tuần thứ 1 và thứ 3 hàng tháng

Place in designated-color basket
ilagay sa container na may
itinakdang kulay
Cho vào thùng chứa có màu
chỉ định



Recyclables Bagay na maaaring i-recycle Rác tái chế

Paper & cloth (*Do not place in a basket. Bundle
with string.), PET bottles and white trays
Papel, tela (*Taliang bago itapon, at huwag ilagay
sa container), PET bottle, tray na kulay puti
Các loại giấy và các loại vải (* không cho vào
khay đựng mà bỏ lại và bỏ ra), chai PET, khay
màu trắng

2nd and 4th Fridays of the month
ika-2 at ika-4 Biyernes ng bawat buwan
Thứ Sáu của tuần thứ 2 và thứ 4 hàng tháng

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
4	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
April			1	2	3	4	5
Abriel	6	7	8	9	10	11	12
Tháng 4	13	14	15	16	17	18	19
	20	21	22	23	24	25	26
	27	28	29	30			

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
5	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
May					1	2	3
Mayo	4	5	6	7	8	9	10
Tháng 5	11	12	13	14	15	16	17
	18	19	20	21	22	23	24
	25	26	27	28	29	30	31

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
6	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
June	1	2	3	4	5	6	7
Hunyo	8	9	10	11	12	13	14
Tháng 6	15	16	17	18	19	20	21
	22	23	24	25	26	27	28
	29	30					

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
7	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
July			1	2	3	4	5
Hulyo	6	7	8	9	10	11	12
Tháng 7	13	14	15	16	17	18	19
	20	21	22	23	24	25	26
	27	28	29	30	31		

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
8	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
August						1	2
Agosto	3	4	5	6	7	8	9
Tháng 8	10	11	12	13	14	15	16
	17	18	19	20	21	22	23
	24	25	26	27	28	29	30
	31						

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
9	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
September		1	2	3	4	5	6
Setyembre	7	8	9	10	11	12	13
Tháng 9	14	15	16	17	18	19	20
	21	22	23	24	25	26	27
	28	29	30				

Hazu 幡豆

Kuwabatakegumi District / Terabe District
Distrito ng Kuwabata-gumi / Terabe
Khu vực Kuwabatagumi / khu vực Terabe

2025.10→2026.3



Quick & Easy!
1 MIN Garbage Sorting Video
Maiintindihan sa loob ng
1 minuto!
Video tungkol sa
pagbubukod ng mga basura
Hiuho sa 1 minuto!
Video tungkol sa
pagbubukod ng mga basura



Refer to the Waste Sorting & Disposal Guidebook and be sure to place your garbage in the specified area **by 8:30 a.m. on collection day.**
Disposal by bringing in household garbage (Nishio Clean Center) ☎ (0563) 34-8112
Sort your garbage into burnable garbage, unburnable garbage and recyclables, and bring it directly to the Nishio Clean Center.
Opening hours: Monday to Friday (also open on public holidays) 8:30 a.m. to 12:00 p.m., 1:00 p.m. to 4:00 p.m.
Saturdays (excl. public holidays) 8:30 a.m. to 11:30 a.m.
Fee: Up to 100 kg: free; Over 100 kg: 200 yen per 10 kg

Pakitingnan ang "Gabay sa pagbubukod at pagtapon ng mga basura", at ilagay ang basura sa itinakdang lugar hanggang 8:30 ng umaga sa araw ng koleksiyon.
Pagdala mismo ng mga basura mula sa tahanan (sa Nishio Clean Center) ☎ (0563) 34-8112
Pakibukod ang mga basura bilang "basurang sinusunog", "basurang hindi sinusunog", "bagay na maaaring i-recycle", at dalhin nang direkta sa Nishio Clean Center.
Oras ng pagtanggap: Lunes hanggang Biyernes (bukas kahit piyesta opisyal) 8:30 AM - 12:00, 1:00 PM - 4:00 PM
Sabado (sarado tuwing piyesta opisyal) 8:30 AM - 11:30 AM
Singil: libre hanggang 100 kg, 200 yen bawat 10 kg kapag lumampas sa 100 kg

Hay tam khảo "Sách hướng dẫn cách phân loại và cách bỏ rác" và bỏ ra tại địa điểm đã được quy định trước 8 giờ 30 sáng của ngày thu gom.
Tự vận chuyển rác gia đình (Trung tâm Làm sạch Thành phố Nishio): ☎ (0563) 34-8112
Hãy phân loại và vận chuyển trực tiếp rác cháy được, rác không cháy được và rác tái chế đến Trung tâm Làm sạch Thành phố Nishio.
Thời gian tiếp nhận: Thứ Hai ~ thứ Sáu (mở cửa cả ngày lễ): Buổi sáng từ 08:30~12:00, buổi chiều từ 01:00~04:00
Thứ Bảy (ngày lễ nghỉ): Buổi sáng từ 08:30~11:30
Chi phí: Miễn phí tối đa 100kg, quá 100kg thì 200 yên ứng với 10kg

Collection at pickup points (Hazu Office parking lot, in front of Myozenji) (Opening hours: 9:00 a.m. to 11:00 a.m.)
① Cans, ② Bottles, ③ Spray cans, ④ Metal items such as pots & pans, ⑤ Small electrical appliances, ⑥ Metal items, ⑦ Landfill garbage, ⑧ Plastic containers and packages (Excluding in front of Myozenji) ① Paper, ② Cloth, ③ PET bottles, ④ White trays, ⑤ Plastic containers and packages (Excluding in front of Myozenji)
Koleksiyon sa pickup sites (Hazu Office parking lot, sa harap ng Myozenji) (oras ng pagbukas: 9:00 AM - 11:00 AM)
① lata, ② bote, ③ lata ng spray, ④ Mga metal na bagay tulad ng palayok, kaldero, at iba pa, ⑤ maliit na household appliances, ⑥ iba pang mga bagay na gawa sa metal, ⑦ landfill waste, ⑧ lalagyan at paketeng gawa sa plastic (Excluding in front of Myozenji) ① papel, ② tela, ③ PET bottle, ④ tray na kulay puti, ⑤ lalagyan at paketeng gawa sa plastic (Excluding in front of Myozenji)
Địa điểm tiếp nhận thu gom (trước bãi đậu xe chỉ nhánh Hazu, Myozenji) (thời gian mở cửa: buổi sáng từ 09:00~11:00)
① - Lata, ② - Chai, ③ - Lon xịt, ④ - Kim loại như chảo, nồi, v.v., ⑤ - Đồ điện gia dụng cỡ nhỏ, ⑥ - Sản phẩm bằng kim loại, ⑦ - Rác chôn lấp, ⑧ - Bao bì, dụng cụ chứa làm bằng nhựa (Excluding in front of Myozenji)
Địa điểm tiếp nhận thu gom (trước bãi đậu xe chỉ nhánh Hazu, Myozenji) (thời gian mở cửa: buổi sáng từ 09:00~11:00)
① - Lata, ② - Chai PET, ③ - Lon xịt, ④ - Khay màu trắng, ⑤ - Bao bì, dụng cụ chứa làm bằng nhựa (Excluding in front of Myozenji) ① - Giấy, ② - Vải, ③ - Chai PET, ④ - Khay màu trắng, ⑤ - Bao bì, dụng cụ chứa làm bằng nhựa (Excluding in front of Myozenji)



We distribute useful information, including a "Garbage Collection Calendar," "Sorting Guide," "Garbage Quiz," and "Facility Guide."
Garbage collection free app "3R" for Nishio
Ipinamahagi ang kapaki-pakinabang na impormasyon tulad ng "Kalendaryo sa pagkolekta ng mga basura", "Gabay sa pagbubukod ng mga basura", "Garbage Quiz", at iba pa.

"3R" free app para sa pagkolekta ng mga basura sa Nishio

Có phần phối thông tin có ích như "Lịch thu gom rác", "Hướng dẫn phân loại", "Câu đố về rác", "Hướng dẫn các cơ sở", v.v...

Ứng dụng miễn phí rác "3R" phiên bản Nishio

▼ Can also be downloaded from here
Gamitin ang QR code sa ibaba para sa pag-download ng app
Có thể tải xuống từ đây

This icon serves as the approved mark
Ang icon na ito ang itinakdang marka
Biểu tượng này là dấu hiệu



iPhone



Android

<Also available in English, Chinese, Portuguese, Vietnamese, Tagalog and Indonesian.>
<Suportado din ang wikang Ingles, Intsik, Portuguese, Vietnamese, Pilipino, Indonesian>
<Cũng hỗ trợ tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Việt, tiếng Philippines, tiếng Indonesia>

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
10	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
October				1	2	3	4
Oktubre	5	6	7	8	9	10	11
Tháng 10	12	13	14	15	16	17	18
	19	20	21	22	23	24	25
	26	27	28	29	30	31	

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
11	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
November							1
Nobyembre	2	3	4	5	6	7	8
Tháng 11	9	10	11	12	13	14	15
	16	17	18	19	20	21	22
	23	24	25	26	27	28	29
	30						

2025	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
12	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
December		1	2	3	4	5	6
Disyembre	7	8	9	10	11	12	13
Tháng 12	14	15	16	17	18	19	20
	21	22	23	24	25	26	27
	28	29	30	31			

2026	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
1	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
January					1	2	3
Enero	4	5	6	7	8	9	10
Tháng 1	11	12	13	14	15	16	17
	18	19	20	21	22	23	24
	25	26	27	28	29	30	31

2026	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
2	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
February	1	2	3	4	5	6	7
Pebrero	8	9	10	11	12	13	14
Tháng 2	15	16	17	18	19	20	21
	22	23	24	25	26	27	28

2026	SUN	MON	TUE	WED	THU	FRI	SAT
3	LINGGO	LUNES	MARTES	MIYERKULES	HUWEBES	BIYERNES	SABADO
	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7
March	1	2	3	4	5	6	7
Marso	8	9	10	11	12	13	14
Tháng 3	15	16	17	18	19	20	21
	22	23	24	25	26	27	28
	29	30	31				